

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tân Lộc

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký pH tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Trần Thị A - Sinh năm 1975 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng trú: ấp Bình Thành, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24.10.2024 và các lời khai tại Tòa án, chị Trần Thị A (N đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K sống chung như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn K có 03 con chung tên Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1998, Nguyễn Văn B, sinh năm 1999 và Trần Kiều N, sinh ngày 17/7/2014. Hiện nay hai cháu H, B đã trưởng thành, sức khỏe ổn định, có thể tự lao động nuôi sống bản thân được nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N hiện nay đang sống chung với chị A, sau khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị A xác định trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Trần Thị A xác định trong thời gian chung sống chị và anh K không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn K, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị A nhưng anh K không có ý kiến. Tòa án thông báo đề anh K tham gia pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh K vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn K tham gia pH tòa đến lần thứ hai nhưng anh K vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị A và anh K không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn K có Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn K có 03 con chung tên Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1998, Nguyễn Văn B, sinh năm 1999 và Trần Kiều N, sinh ngày 17/7/2014. Hiện nay hai cháu H, B đã trưởng thành, sức khỏe ổn định, có thể tự lao động nuôi sống bản thân được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu N hiện nay đang sống chung với chị A, sau khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024 thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột là chị A. Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu N đã trên 07 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, đây là ý chí tự nguyện của cháu N. Đồng thời từ khi chị A và anh K ly thân thì cháu N sống chung với chị A sức khỏe cũng đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Kiều N, sinh ngày 17/7/2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị A xác định trong thời gian chung sống chị và anh K có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Trần Thị A xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh K vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị A và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Kiều N, sinh ngày 17/7/2014. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Trần Thị A có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018797 ngày 25 – 10 – 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước (Do anh Nguyễn Tấn An nộp thay), sau khi đối trừ chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trần Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt